

TÌM HIỂU THÊM VỀ ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

○ ThS. TRẦN THỊ THANH PHƯƠNG*

Đào tạo (ĐT) theo hệ thống tín chỉ (HTTC), lần đầu tiên được tổ chức tại trường ĐH Harvard, Hoa Kỳ vào năm 1872, sau đó lan rộng ra khắp Bắc Mỹ và thế giới. Đây là phương thức ĐT theo triết lí «*Tôn trọng người học, xem người học là trung tâm của quá trình ĐT*». Theo đánh giá của Tổ chức ngân hàng thế giới (World Bank), ĐT theo HTTC có hiệu quả đối với các nước phát triển và cả với các nước đang phát triển. Ở nước ta, nhiều trường đã thực hiện có kết quả loại hình ĐT này. Cho đến nay, cả nước đã có hơn 20 trường trong toàn quốc, trong đó có Trường ĐH Điện Lực chuyển đổi sang ĐT theo HTTC với lộ trình và bước đi hợp lí.

1. Ưu điểm của HTTC

1) *Hiệu quả học tập (HT) cao*: - HTTC giúp sinh viên (SV) chủ động lập kế hoạch cho toàn bộ quá trình HT tại trường ĐH tùy thuộc vào các điều kiện của cá nhân, ghi nhận kịp thời các thành tích của SV sau mỗi giai đoạn tích lũy. Hệ thống cho phép đặt ra những mục tiêu ngắn hạn để hoàn thành - một điều có lợi cho SV không có điều kiện xây dựng kế hoạch dài hạn. Trong HTTC, mỗi môn học chỉ kéo dài và chấm dứt sau 1 học kì, do vậy cả giảng viên (GV) và SV đều chủ động hơn trong việc dạy và học. Việc kiểm tra đánh giá được tiến hành bằng nhiều hình thức đa dạng, kéo dài trong suốt học kì nên gánh nặng thi cử được giảm nhẹ, song không cho phép SV chây lười; - Một số trường ĐH cấp tín chỉ cho các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, như vậy các hoạt động độc lập của SV và nhiều hoạt động giáo dục không truyền thống khác có thể được đánh giá bằng tín chỉ để tiến tới văn bằng; - HTTC với đặc điểm là người học có quyền lựa chọn các môn học đã làm cho GDDH hướng tới người học, cá nhân hoá quá trình ĐT mà các hệ thống khác không có được.

2) *Tính mềm dẻo, khả năng thích ứng cao*: - HTTC cho phép tiến tới văn bằng ĐH bằng nhiều cách tổ hợp các hợp các đơn nguyên kiến thức có số tín chỉ khác nhau (tức là có giá trị khác nhau); - Cho phép SV thay đổi ngành chuyên môn chính

trong quá trình học. Thay vì phải học lại từ đầu, HTTC công nhận các tín chỉ đã được tích lũy và chỉ cần bổ sung các tín chỉ còn lại để hoàn tất một ngành học mới và nhận văn bằng; - Cho phép xây dựng kế hoạch HT để tiến tới 1 văn bằng theo điều kiện của từng cá nhân. SV có thể bố trí xen kẽ các giai đoạn làm việc và HT, có thể hoàn thành chương trình GDDH theo hình thức bán thời gian, kết hợp giữa việc HT để lấy văn bằng với giáo dục thường xuyên, ĐT lại hoặc văn bằng hai; - Trong HTTC, việc đề xuất một môn học mới dễ dàng hơn nhiều so với học chế niên chế. Điều này cho phép cải tiến, phát triển chương trình ĐT một cách liên tục, gắn ĐT với yêu cầu sử dụng, đáp ứng nhanh chóng những yêu cầu đang thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động; - HTTC cho phép chấp nhận sự di chuyển SV giữa các trường ĐH với nhau, cho phép chuyển từ một trường ĐH này sang một trường ĐH khác tùy theo khả năng và sở thích của họ. Ở đây, HTTC được xem là ngôn ngữ chung của các trường ĐH cho phép việc chuyển đổi SV giữa các trường ĐH gặp ít khó khăn hơn; - Việc sử dụng HTTC tạo điều kiện để các trường ĐH phát triển các chương trình song đôi (twin program) và các chương trình chuyển tiếp. Các chương trình này cho phép SV nhận văn bằng (ĐH, SDH) của trường ngoài mà không tốn kém nhiều (thời gian, kinh phí....). SV có thể hoàn thành phần đầu của chương trình ĐT ở trong nước, phần còn lại sẽ được hoàn thành ở nước ngoài theo yêu cầu của trường cấp bằng.

3) *Hiệu quả về quản lí và giá thành ĐT*: - Trong HTTC, thành tích HT của SV được đo trên cơ sở tích lũy các tín chỉ ứng với từng môn học. Việc chưa hoàn thành một môn học không ảnh hưởng nhiều tới quá trình HT của SV vì họ có thể học lại môn học đó hoặc chọn một môn học khác thay thế. Như vậy, SV không phải học lại cả năm học hay bỏ học, giá thành ĐT vì vậy giảm đáng kể; - HTTC khuyến khích các trường ĐH phải là các trường đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có

* Trường Đại học điện lực

những khối kiến thức chung cho nhiều lĩnh vực. Việc tổ chức giảng dạy các môn này được tiến hành bởi các bộ môn chung cho cả ĐH, chứ không cần các bộ môn trong khoa. Điều này cho phép chuyên môn hoá đội ngũ GV, để họ tập trung vào NCKH và nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời hạ thấp giá thành ĐT so với cấu trúc khoa truyền thống; - HTTC cho phép các trường ĐH cấp tín chỉ cho các hoạt động giáo dục bên ngoài trường ĐH để tiến tới một văn bằng. Để nhận được tín chỉ SV (thường là lớn tuổi) phải tập hợp các hồ sơ, tài liệu là minh chứng cho thành tích HT, làm việc, tự nghiên cứu của học, như tiểu luận, bằng sáng chế, bản sao các công trình, giấy khen. Hội đồng giáo chức sẽ đánh giá hồ sơ này và nếu đạt yêu cầu, người học sẽ được cấp một số tín chỉ tương ứng; - HTTC tạo sự liên kết giữa hoạt động ĐT và quản lí, hành chính. Các hoạt động quản lí, hành chính đều có thể được biểu diễn thông qua giờ tín chỉ: học phí theo giờ tín chỉ, các kế hoạch dạy học cũng được đăng kí theo giờ tín chỉ; - HTTC cho phép kết hợp các nguồn lực, phối hợp giữa các đơn vị để giảng dạy mà tránh được sự trùng lặp về các môn học, qua đó tối ưu hoá được việc sử dụng các nguồn lực, kể cả nguồn nhân lực, đội ngũ giáo chức qua đó được sử dụng hiệu quả hơn, các giáo sư sẽ có đồng SV hơn.

Ngoài ba ưu điểm nổi trội trên, ĐT theo HTTC còn có những ưu điểm có lợi cho SV :

- Thang điểm 4 trong «Quy chế ĐT ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo HTTC» của Bộ GD-ĐT ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐBGD&ĐT là thang điểm rất có lợi cho SV và là thang điểm đánh giá «sạch» (có nghĩa là nếu điểm HP từ 0-3,9 (thang điểm 10) khi quy đổi sang thang điểm 4 sẽ là điểm F = 0 (điểm F của ta còn thấp hơn ở các nước phát triển nhiều, ở Hoa Kỳ điểm F = 0 tương đương từ 0 - dưới 6,0). Điểm HP F sẽ không có tác dụng nâng điểm trung bình chung học kì hay tích lũy như trong ĐT theo HP - niên chế, và như thế, kết quả HT của SV được đánh giá chính xác hay còn gọi là «sạch», vì không bị lẫn những kết quả kém) có thể thấy rõ điều này như sau (2):

SV chỉ cần đạt điểm HP 8,5 (thang điểm 10) thì khi quy đổi sang thang điểm 4 sẽ là điểm A = 4 (điểm cao nhất của thang điểm 4). SV đạt điểm

Bảng 1

Điểm không đạt	0 – 3,9 thang điểm 10 tương đương điểm F	= 0 thang điểm 4
Điểm đạt	4,0 – 5,4 thang điểm 10 tương đương điểm D	= 1 thang điểm 4
	5,5 – 6,9 thang điểm 10 tương đương điểm C	= 2 thang điểm 4
	7,0 – 8,4 thang điểm 10 tương đương điểm B	= 3 thang điểm 4
	8,5 – 10 thang điểm 10 tương đương điểm A	= 4 thang điểm 4

HP từ 4,0-4,9 (thang điểm 10) là điểm không đạt đối với HP - niên chế, nhưng khi quy đổi sang thang điểm 4 là điểm D = 1 lại là điểm đạt. SV có thể không cần học lại HP này hoặc học lại để cải thiện điểm đều được. Trong ĐT theo HTTC, SV muốn có kết quả HT xếp loại Khá chỉ cần một nửa số tín chỉ tích lũy có điểm HP 7,0 và nửa còn lại có điểm HP 5,5 là được.

Đánh giá HP trong ĐT theo HTTC là đánh giá quá trình với điểm thi kết thúc HP, có thể chỉ chiếm 50% tỉ trọng điểm HP. Điều này làm cho SV phải HT, kiểm tra và thi liên tục trong suốt học kì chứ không phải chỉ trông chờ vào kết quả của 1 kì thi đầy may rủi, nhưng có «nhiều cơ hội» để không học mà cũng có thể đạt. Vì thế khi điểm HP không đạt thì phải học lại để đánh giá lại tất cả các điểm bộ phận và thi lại, chứ không thể chỉ tổ chức thi kết thúc HP thêm lần 2. Tuy nhiên, để thuận tiện và có lợi cho SV, một số trường, trong đó có Trường ĐH Điện lực, đã tính điểm mềm dẻo, tính chi tiết như sau (3) (xem bảng 2).

Bảng 2

Loại đạt	A+	9,0 – 10,0	Giỏi	Tương ứng với 4,0
	A	8,5 – 8,9		Tương ứng với 3,7
	B+	8,0 – 8,4	Khá	Tương ứng với 3,5
	B	7,0 – 7,9		Tương ứng với 3,0
	C+	6,5 – 6,9	Trung bình	Tương ứng với 2,5
	C	5,5 – 6,4		Tương ứng với 2,0
Loại không đạt	D	4,0 – 5,4	TB yếu	Tương ứng với 1,0
	F	dưới 4,0	Kém	Tương ứng với 0,0
	I	Chưa đủ dữ liệu đánh giá		
	X	Chưa nhận được kết quả thi		

- Về điều kiện buộc thôi học: theo Quy chế của Bộ, khả năng SV bị buộc thôi học là rất ít. Điều kiện buộc thôi học với điểm trung bình chung học kì (TBCHK) dưới 1,0 cũng rất nhẹ vì nó chưa bằng 25% điểm cao nhất của thang điểm 4. Hơn nữa, SV xếp hạng HT yếu (có điểm trung bình trung tích lũy dưới 2,0, theo thang điểm 4), có thể chỉ cần học 10 tín chỉ/ học kì, tương đương với 3-4 HP, mà điểm TBCHK không đạt nổi 1,0 thì việc buộc thôi học là đương nhiên. Ngay cả khi SV nhận ra số tín chỉ đăng kí vượt quá khả năng HT của bản thân, thì trong 6 tuần đầu của học kì chính, SV vẫn được phép rút bớt HP, miễn là đảm bảo số tín chỉ tối thiểu quy định trong Quy chế của Bộ GD-ĐT. Trường hợp SV học 6 HP, trong đó có 4 HP đạt điểm 5,4; một HP đạt

5,0; một HP đạt 3,9 (theo thang điểm 10), mà có báo đã lấy dẫn chứng, không khác gì trong HP niên chế, một SV cũng học 6 HP với 4 HP đạt 4,9; một HP đạt 4,5; một HP đạt 3,4. Những trường hợp này xác xuất không quá vài phần nghìn, vì thế, không thể dùng kết quả đó để quy nạp thành quy luật chung được. Cũng không thể nói SV có điểm số «cao» và chỉ cần vướng một HP có nhiều tín chỉ cũng bị buộc thôi học. Khi nói về GV cho điểm «đạt» theo cảm giác thì lại càng sai, vì khi đánh giá kết quả HT của SV, tất cả các bài kiểm tra và thi kết thúc HP, đều phải đánh giá theo các quy định của Bộ GD-ĐT, tức là phải có đáp án và thang điểm chính xác tới 0,25, nên không thể tùy tiện được. Việc buộc thôi học là rất cần thiết, vì nó tạo áp lực để SV phải HT, phải rèn luyện, nhưng dừng ở tỉ lệ bao nhiêu còn phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng trường (4).

2. Nhược điểm của HTTC

HTTC tạo ra sự căng vụn kiến thức. Một môn học chỉ kéo dài một học kì, và SV thường thi học 4-5 môn học trong 1 học kì và để đạt một văn bằng SV học khoảng 40 môn học. Để khắc phục nhược điểm này, người ta xây dựng các môn học có số tín chỉ lớn (5-6), và để tích lũy SV cần có thời gian dài hơn, kiến thức sẽ hệ thống hơn, và như vậy, số lượng môn học phải tích lũy để đạt một văn bằng có thể nhỏ hơn 20.

Việc thừa nhận các hoạt động giáo dục ngoài trường ĐH có giá trị như các tín chỉ được tích lũy có nguy cơ làm giảm giá trị của các hoạt động khoa học nghiêm túc.

HTTC có khả năng làm «méo mó» động cơ HT của SV. SV nhìn nhận trình độ học vấn quy định cho 1 văn bằng như là sự tích lũy các tín chỉ hơn là HT vì mục tiêu cuối cùng của nó.

HTTC tạo điều kiện mở rộng các cơ hội để nhận văn bằng ĐH và đương nhiên nhu cầu nhận văn bằng sẽ tăng lên. Lúc đó có thể các trường ĐH sẽ làm nhiều việc xác nhận các hoạt động giáo dục ngoài trường hơn là cung cấp các hoạt động giáo dục trong trường.

3. Một số nhận xét khác

Do ĐT theo HTTC cho phép SV có thể chủ động học theo điều kiện và năng lực của mình nên SV giỏi có thể học theo đúng hoặc học vượt kế hoạch HT toàn khóa, kế hoạch HT từng học kì theo gợi ý của nhà trường, để tốt nghiệp theo đúng thời gian chuẩn của chương trình hoặc sớm hơn; SV bình thường và yếu có thể kéo dài thời gian HT trong trường và tốt nghiệp muộn hơn. Vì thế, SV phải tự lập kế hoạch HT toàn khóa và từng học kì cho phù hợp với năng lực và điều kiện cụ thể của bản thân dưới sự giúp đỡ của GVCN hay cố vấn HT. Toàn

bộ hệ thống quản lí ĐT, quản lí SV, cũng vì thế, phải vận hành theo yêu cầu riêng của từng SV làm cho quá trình quản lí trở nên hết sức phức tạp so với ĐT theo HP - niên chế. Chương trình ĐT của tất cả các ngành đều phải cấu trúc lại theo hướng module hóa thành những HP; lịch trình giảng dạy phải thực hiện hết sức chính xác, không được đổi giờ hoặc bỏ giờ; mỗi GV, mỗi SV đều có thời khóa biểu riêng, không theo một quy luật nào cả, v.v...

Học kì thứ nhất và thứ hai, các nhà trường đều gặp phải những khó khăn nhất định, khi ĐT theo HCTC; việc quản lí phải khoa học, chặt chẽ, linh hoạt và mềm dẻo; đòi hỏi cả người dạy và người học phải thay đổi cách tư duy, đổi mới PPDH từ bị động sang chủ động một cách nghiêm túc. ĐT theo HTTC chỉ có thể thành công khi có sự chỉ đạo rất kiên quyết và khoa học của Ban giám hiệu, đặc biệt là vai trò của hiệu trưởng, sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong trường, đội ngũ GV nhận thức được trách nhiệm và tham gia vào quá trình ĐT một cách tự giác.

Hiện nay trong ĐT theo tín chỉ, 1 tín chỉ (TC) tương đương với 15 tiết chuẩn hoặc gồm 12 tiết lên lớp lí thuyết + 6 tiết thảo luận trên lớp, thí nghiệm... hoặc tương đương 18 tiết lên lớp. Để tiếp thu được 1 TC, SV phải chuẩn bị 30 tiết ở nhà. Điều này cho thấy giờ dạy lí thuyết trên lớp giảm nhưng giờ thảo luận và tự học của SV tăng nhiều, và được bố trí rõ ràng, chứ không «mập mờ» như trước kia. SV có cơ hội để tự học và học theo kiểu thảo luận nhóm, GV chỉ là người giúp đỡ SV cách tư duy, PP tự học, sáng tạo, chứ không phải đơn thuần là truyền thụ lại kiến thức.

ĐT theo HTTC đòi hỏi SV phải nắm chắc quy chế ĐT và được tư vấn đầy đủ để lập được kế hoạch HT thật phù hợp với điều kiện và năng lực cụ thể của mình. Điều quan trọng hơn là SV phải tiếp cận được với PP HT chủ động, lấy tự học và HT theo nhóm làm chính. Bản chất của ĐT theo HTTC luôn tạo điều kiện tốt nhất cho người học phát huy cao độ năng lực của bản thân. Tuy nhiên, trên con đường chuyển đổi từ cái cũ sang cái mới, mỗi nhà trường cần có lộ trình và liên tục điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của mình. □

(1) *Chương trình tập huấn tổ chức, thực thi và quản lí chương trình đào tạo phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ*, Đại học quốc gia, Hà Nội, 2006.

(2) http://www.tnut.edu.vn/doc/pqthe_dttinchi.htm

(3) *Sổ tay sinh viên* (dùng cho sinh viên Trường Đại học Điện lực - Lưu hành nội bộ). Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Trường Đại học Điện lực, H. 2010.

(4) <http://www.tgu.edu.vn/tieudiem/quichedttc.htm>